

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 560/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12-06-2025

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Ôn Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn ần

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Hoàng Phương Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 06 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1014/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 363/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16-04-2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 357/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13-05-2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Minh T**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: B18/23 ấp X, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt và có nộp đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Bà **Lê Thị Hồng H**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: B18/23 ấp X, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 09 năm 2024, bản tự khai ngày 19/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – ông Huỳnh Minh T trình bày như sau:

Ông Huỳnh Minh T và bà Lê Thị Hồng H tự nguyện quen biết nhau một thời gian, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 181, quyển số: 01/2008, ngày đăng ký kết hôn: 21/11/2008). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không tôn trọng, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng và đã ly thân với nhau. Nay ông Huỳnh Minh T yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Hồng H.

Về con chung: Ông Huỳnh Minh T và bà Lê Thị Hồng H chung sống với nhau có 02 (hai) con chung như sau:

1. Huỳnh Chí T, sinh ngày: 24/04/2009, giới tính: Nam.

2. Huỳnh Minh T, sinh ngày: 09/01/2011, giới tính: Nam.

Sau khi ly hôn ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi các con, không yêu cầu bà Lê Thị Hồng H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Huỳnh Minh T yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các vấn đề khác: Ông Huỳnh Minh T tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông Huỳnh Minh T vắng mặt và có nộ đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông T.

Bị đơn – bà Lê Thị Hồng H đã được Tòa án nhân dân huyện C tổng đạt tại nơi cư trú: B18/23 ấp X, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh gồm các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà H vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa bà Lê Thị Hồng H vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Minh T. Về án phí: ông Huỳnh Minh T chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là ông Huỳnh Minh T nộ đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Hồng H tại Tòa án nhân dân huyện C, hiện bà H cư trú tại huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Minh T và bà Lê Thị Hồng H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 181, quyển số: 01/2008, ngày đăng ký kết hôn: 21/11/2008). Do đó, hôn nhân giữa ông Huỳnh Minh T và bà Lê Thị Hồng H là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn – ông Huỳnh Minh T vắng mặt và có nộp đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ông T. Bị đơn – bà Lê Thị Hồng H vắng mặt tại phiên tòa xét xử đến lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quy định thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

Về các yêu cầu của các đương sự:

[4] Nguyên đơn – ông Huỳnh Minh T yêu cầu ly hôn với bị đơn – bà Lê Thị Hồng H ; Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên là Huỳnh Chí T, sinh ngày: 24/04/2009, giới tính: Nam (đã trưởng thành) và Huỳnh Minh T, sinh ngày: 09/01/2011, giới tính: Nam. Sau khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng các con, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: nguyên đơn yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết ; Về nợ chung: nguyên đơn xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Bị đơn - bà Lê Thị Hồng H vắng mặt không đến Tòa án, không nộp văn bản cũng như không trình bày ý kiến để bảo vệ quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên được coi là từ bỏ quyền trình bày của mình trước tòa.

[6] Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của ông Huỳnh Minh T đối với bà Lê Thị Hồng H. Ông Huỳnh Minh T chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[7] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy tình nghĩa vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Hai bên đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đời sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt với nhau, cly thân với nhau, để một trong hai bên có yêu cầu ly hôn. Bị đơn không lên Tòa án bảo vệ quan điểm yêu cầu đoàn tụ của mình và có biện pháp khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng, đem lại hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[8] Về con chung: Nguyên đơn xác nhận Có 02 (hai) con chung tên là Huỳnh Chí T, sinh ngày: 24/04/2009, giới tính: Nam và Huỳnh Minh T, sinh ngày: 09/01/2011, giới tính: Nam, hiện cả 02 cháu đang sống chung với nguyên đơn. Sau khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Huỳnh Chí T, hàng ngày cháu T đưa đón em trai

Huỳnh Minh T đi học, cả hai anh em cùng chung sống với cha tại địa chỉ B18/23 ấp X, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc 02 trẻ Huỳnh Chí T và Huỳnh Minh T là phù hợp với tình hình sinh sống, học tập của 2 trẻ Huỳnh Chí T và Huỳnh Minh T.

[9] về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bị đơn.

[10] Về tài sản chung: Nguyên đơn yêu cầu tự thỏa thuận tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[11] Về nợ chung: Nguyên đơn xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[12] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 93, 94, 95, 96, 97, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 và Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Huỳnh Minh T.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Huỳnh Minh T và bà Lê Thị Hồng H chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Giấy Chứng nhận kết hôn số: 181, quyển số: 01/2008, ngày đăng ký kết hôn: 21/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Huỳnh Minh T và bà Lê Thị Hồng H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2- Về con chung: Có 02 (hai) con chung

- Huỳnh Chí T, sinh ngày: 24/04/2009, giới tính: Nam.

- Huỳnh Minh T, sinh ngày: 09/01/2011, giới tính: Nam.

Ông Huỳnh Minh T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) trẻ Huỳnh Chí T và Huỳnh Minh T.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Lê Thị Hồng H.

Bà Lê Thị Hồng H có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3- Về tài sản chung: Ông Huỳnh Minh T yêu cầu tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4- Về nợ chung: Ông Huỳnh Minh T xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

5- Về án phí: Ông Huỳnh Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông Huỳnh Minh T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0051385 ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Huỳnh Minh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6- Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Các đương sự (4);
- Cơ quan nơi cấp Giấy chứng nhận kết hôn (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ôn Kim Chi

